

KẾT QUẢ CHẤM PHÚC TRA BÀI THI HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2025-2026

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SỐ SV	SBD	MÃ LỚP	TÊN HỌC PHẦN PHÚC TRA	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
1	TRƯƠNG VÕ CÁT TIỀN	23Y3040199	0151	DD23	Chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng	Không thay đổi	
2	PHÙNG THỊ KIM AN	24Y3040004	0004	DD24	Hóa sinh	Không thay đổi	
3	PHẠM NGỌC KHÁNH HUYỀN	24Y3040106	0087	DD24	Hóa sinh	Không thay đổi	
4	PHÙNG THỊ KIM AN	24Y3040004	0004	DD24	Điều dưỡng cơ sở 1	Không thay đổi	
5	PHÙNG THỊ KIM AN	24Y3040004	0004	DD24	Điều dưỡng cơ sở 2	Không thay đổi	
6	MAI THỊ MINH ANH	24Y3040008	0008	DD24	Điều dưỡng cơ sở 2	Không thay đổi	
7	HUỲNH QUANG NHƯ THẢO	24Y3040256	0041	DD24	Giải phẫu	Không thay đổi	
8	HỒ HOÀI NAM	25Y3010092	0861	DD25	Triết học Mác - Lênin	Không thay đổi	
9	HỒ THỊ CẨM DUNG	22Y3030044	0038	DUOC22	Phương pháp nghiên cứu dược liệu	Không thay đổi	
10	TRẦN THỊ NGÀ	23Y3030099	0095	DUOC23	Bệnh học	Không thay đổi	
11	NGUYỄN TRỌNG NHÂN	23Y3030233	0114	DUOC23	Bệnh học	Không thay đổi	
12	NGUYỄN XUÂN TRÚC	23Y3030206	0195	DUOC23	Dược lý 1	Không thay đổi	
13	TRẦN THỊ THU HÀ	23Y3030040	0036	DUOC23	Dược dịch tễ	Không thay đổi	
14	NGUYỄN THỊ HOÀI AN	23Y3030003	0003	DUOC23	Dược động học	Không thay đổi	
15	TRẦN THỊ THU HÀ	23Y3030040	0037	DUOC23	Dược động học	Không thay đổi	
16	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	23Y3030081	0073	DUOC23	Pháp chế dược	Không thay đổi	
17	HOÀNG NGỌC KHÁNH LINH	23Y3030082	0071	DUOC23	Pháp chế dược	Không thay đổi	
18	NGUYỄN TRỌNG NHÂN	23Y3030233	0112	DUOC23	Pháp chế dược	Không thay đổi	
19	LÊ THỊ MINH CHÂU	24Y3030030	0722	DUOC24	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Không thay đổi	
20	PHẠM NGỌC BẢO CHÂU	24Y3030037	0728	DUOC24	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Không thay đổi	
21	NGÔ VĂN NHẬT HUY	24Y3030084	0768	DUOC24	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Không thay đổi	
22	TRẦN LÊ NAM	24Y3030125	0807	DUOC24	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Không thay đổi	
23	PHÙNG THỊ THÚY NGÀ	24Y3030126	0808	DUOC24	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Không thay đổi	
24	HUỲNH NGỌC THẢO NGÂN	24Y3030128	0810	DUOC24	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Không thay đổi	
25	HỒ NGUYỄN BẢO NGỌC	24Y3030134	0122	DUOC24	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Không thay đổi	
26	LÊ THỊ HOÀI PHƯƠNG	24Y3030168	0850	DUOC24	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Không thay đổi	
27	LÊ THỊ NGỌC YÊN	24Y3030256	0932	DUOC24	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Không thay đổi	
28	DƯƠNG TIÊU QUYỀN	24Y3030176	0164	DUOC24	Hóa sinh	Không thay đổi	
29	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	24Y3030181	0169	DUOC24	Hóa sinh	Không thay đổi	
30	DƯƠNG VŨ QUỲNH CHÂU	24Y3030029	0026	DUOC24	Hóa hữu cơ 2	Không thay đổi	
31	LÊ THỊ MINH CHÂU	24Y3030030	0027	DUOC24	Hóa hữu cơ 2	Không thay đổi	
32	PHẠM NGỌC BẢO CHÂU	24Y3030037	0033	DUOC24	Hóa hữu cơ 2	Không thay đổi	

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SỐ SV	SBD	MÃ LỚP	TÊN HỌC PHẦN PHÚC TRA	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
33	NGUYỄN THỊ CẨM ĐÀO	24Y3030045	0046	DUOC24	Hóa hữu cơ 2	Không thay đổi	
34	DUƠNG PHƯỚC HIẾU	24Y3030067	0061	DUOC24	Hóa hữu cơ 2	Không thay đổi	
35	TRẦN VĂN HIẾU	24Y3030071	0064	DUOC24	Hóa hữu cơ 2	Không thay đổi	
36	PHẠM QUANG HUY	24Y3030085	0075	DUOC24	Hóa hữu cơ 2	Không thay đổi	
37	CAO THỊ THU HUYỀN	24Y3030087	0078	DUOC24	Hóa hữu cơ 2	Không thay đổi	
38	VÕ QUANG MINH	24Y3030120	0108	DUOC24	Hóa hữu cơ 2	Không thay đổi	
39	LÊ QUANG MỸ	24Y3030124	0110	DUOC24	Hóa hữu cơ 2	Không thay đổi	
40	PHÙNG THỊ THÚY NGÀ	24Y3030126	0114	DUOC24	Hóa hữu cơ 2	Không thay đổi	
41	HUYỀNH NGOC THAO NGÂN	24Y3030128	0116	DUOC24	Hóa hữu cơ 2	Không thay đổi	
42	HỒ NGUYỄN BAO NGỌC	24Y3030134	0122	DUOC24	Hóa hữu cơ 2	Không thay đổi	
43	VÕ VĂN NGỌC	24Y3030138	0126	DUOC24	Hóa hữu cơ 2	Không thay đổi	
44	BÙI TÂN NGUYỄN	24Y3030139	0127	DUOC24	Hóa hữu cơ 2	Không thay đổi	
45	HỒ MINH NGUYỄN	24Y3030140	0128	DUOC24	Hóa hữu cơ 2	Không thay đổi	
46	HOÀNG NGÔ THẢO NGUYỄN	24Y3030141	0129	DUOC24	Hóa hữu cơ 2	Có thay đổi	Cộng nhằm điểm thành phần
47	LÊ XUÂN THAO NGUYỄN	24Y3030142	0131	DUOC24	Hóa hữu cơ 2	Không thay đổi	
48	PHẠM THỊ YẾN NHI	24Y3030151	0140	DUOC24	Hóa hữu cơ 2	Không thay đổi	
49	TRẦN THỊ YẾN NHI	24Y3030153	0141	DUOC24	Hóa hữu cơ 2	Không thay đổi	
50	NGUYỄN THUY NHIÊN	24Y3030154	0143	DUOC24	Hóa hữu cơ 2	Không thay đổi	
51	VĂN THỊ HỒNG NHUNG	24Y3030159	0148	DUOC24	Hóa hữu cơ 2	Không thay đổi	
52	LÊ THỊ HOÀI PHƯƠNG	24Y3030168	0156	DUOC24	Hóa hữu cơ 2	Không thay đổi	
53	LÊ HOÀNG SƠN	24Y3030186	0173	DUOC24	Hóa hữu cơ 2	Không thay đổi	
54	ĐÀO NGUYỄN THU THAO	24Y3030196	0182	DUOC24	Hóa hữu cơ 2	Không thay đổi	
55	PHẠM THỊ VĂN THƯ	24Y3030216	0199	DUOC24	Hóa hữu cơ 2	Không thay đổi	
56	NGUYỄN THỊ AN THƯƠNG	24Y3030217	0200	DUOC24	Hóa hữu cơ 2	Không thay đổi	
57	DUƠNG THỊ BẢO TRINH	24Y3030234	0216	DUOC24	Hóa hữu cơ 2	Không thay đổi	
58	NGUYỄN THỊ MỸ UYÊN	24Y3030245	0227	DUOC24	Hóa hữu cơ 2	Không thay đổi	
59	PHẠM TÚ UYÊN	24Y3030246	0228	DUOC24	Hóa hữu cơ 2	Không thay đổi	
60	LÊ THỊ CẨM VÂN	24Y3030247	0229	DUOC24	Hóa hữu cơ 2	Không thay đổi	
61	LÊ THỊ NGỌC YẾN	24Y3030256	0238	DUOC24	Hóa hữu cơ 2	Không thay đổi	
62	VÕ ĐOÀN NHI	24Y3030267	0142	DUOC24	Hóa hữu cơ 2	Không thay đổi	
63	NGUYỄN NHƯ NGUYỆT ANH	25Y2010012	0603	DUOC25	Triết học Mác - Lênin	Không thay đổi	
64	NGUYỄN TIỀN DŨNG	25Y2010027	0613	DUOC25	Triết học Mác - Lênin	Không thay đổi	
65	PHAN NHẬT THÀNH	25Y2010149	0725	DUOC25	Triết học Mác - Lênin	Không thay đổi	
66	NGUYỄN TIỀN DŨNG	25Y2010027	0975	DUOC25	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Không thay đổi	
67	NGUYỄN NGỌC ANH	25Y2010011	0010	DUOC25	Giải phẫu	Không thay đổi	
68	NGUYỄN BAO CHÂU	25Y2010018	0016	DUOC25	Giải phẫu	Không thay đổi	

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SỐ SV	SBD	MÃ LỚP	TÊN HỌC PHẦN PHÚC TRA	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
69	VÔ VĂN GHI	22Y3090012	0009	HAYH22	Y học hạt nhân và xạ trị 2	Không thay đổi	
70	NGUYỄN HIỀN THẠCH THẢO	22Y3090068	0055	HAYH22	Tổ chức và quản lý khoa chẩn đoán hình ảnh	Không thay đổi	
71	NGUYỄN HIỀN THẠCH THẢO	22Y3090068	0055	HAYH22	Kỹ thuật phòng tối (Các KT tráng rửa và in phim)	Không thay đổi	
72	LÊ QUANG QUỐC THẮNG	24Y3090112	0096	HAYH24	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	Không thay đổi	
73	VÔ THỊ KIM NGÂN	24Y3090068	0027	HAYH24	Giải phẫu	Không thay đổi	
74	NGUYỄN HỒ NHƯ ANH	25Y6020006	0005	HAYH25	Giải phẫu	Không thay đổi	
75	NGUYỄN DUY CƯỜNG	25Y6020017	0014	HAYH25	Giải phẫu	Không thay đổi	
76	LÊ MINH NHẬT	25Y6020064	0058	HAYH25	Giải phẫu	Không thay đổi	
77	TRẦN THỊ BẢO ANH	25Y6020009	0008	HAYH25	Triết học Mác - Lênin	Không thay đổi	
78	TRẦN THỊ BẢO ANH	25Y6020009	0194	HAYH25	Triết học Mác - Lênin	Không thay đổi	
79	NGUYỄN DUY CƯỜNG	25Y6020017	0200	HAYH25	Triết học Mác - Lênin	Không thay đổi	
80	TRƯƠNG HÀ MY	25Y6020054	0235	HAYH25	Triết học Mác - Lênin	Không thay đổi	
81	LÊ MINH NHẬT	25Y6020064	0244	HAYH25	Triết học Mác - Lênin	Không thay đổi	
82	NGUYỄN HOANG UYÊN NHI	25Y6020066	0245	HAYH25	Triết học Mác - Lênin	Không thay đổi	
83	TRỊNH THẾ TÀI	25Y6020085	0076	HAYH25	Triết học Mác - Lênin	Không thay đổi	
84	HỒ NGỌC MINH THU	25Y6020094	0270	HAYH25	Triết học Mác - Lênin	Không thay đổi	
85	NGUYỄN THAI BẢO TRẦN	25Y6020101	0276	HAYH25	Triết học Mác - Lênin	Không thay đổi	
86	TRƯƠNG HÀ MY	25Y6020054	0049	HAYH25	Tâm lý y học - Đạo đức Y học	Không thay đổi	
87	LÊ MINH NHẬT	25Y6020064	0058	HAYH25	Sinh học tế bào và di truyền	Không thay đổi	
88	BÙI NGUYỄN TÚ NHI	21Y3020102	0104	RHM21	Bệnh học cắn khớp 3 (BH lệch lạc răng mặt, VLDC trong CHRM, TLS CHRM)	Không thay đổi	
89	PHẠM THỊ NHƯ	21Y3020107	0107	RHM21	Dự án học thuật: Phương pháp nghiên cứu khoa học	Không thay đổi	
90	LÊ THỊ THUỶ NHUNG	21Y3020109	0109	RHM21	Dự án học thuật: Phương pháp nghiên cứu khoa học	Không thay đổi	
91	NGUYỄN HỮU THIÊN	23Y3020105	0113	RHM23	Chẩn đoán hình ảnh y học, Nội, Ngoại bệnh lý 1 (Nội BL)	Không thay đổi	
92	ĐOÀN NHẬT NGUYỄN	23Y3020073	0081	RHM23	Chẩn đoán hình ảnh y học, Nội, Ngoại bệnh lý 2 (Ngoại BL)	Không thay đổi	
93	THAI VĨNH PHÁT	24Y3020112	0118	RHM24	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Không thay đổi	
94	LÊ ĐÌNH THÀNH LUÂN	24Y3020074	0078	RHM24	Cơ sở miệng 1 (GP ĐMC, phối thai học RM)	Không thay đổi	
95	NGUYỄN BÁ MINH NHẬT	24Y3020096	0101	RHM24	Cấu trúc và chức năng cơ thể người 3 (SL)	Không thay đổi	
96	TRẦN THỊ HẠNH	25Y5010029	0317	RHM25	Triết học Mác - Lênin	Không thay đổi	
97	NGUYỄN VĨNH LỢI	25Y5010062	0350	RHM25	Triết học Mác - Lênin	Không thay đổi	
98	VÔ THỊ XUÂN LỢI	25Y5010063	0351	RHM25	Triết học Mác - Lênin	Không thay đổi	
99	LÊ NHẬT MINH	25Y5010074	0360	RHM25	Triết học Mác - Lênin	Không thay đổi	
100	HÀ NHẬT NAM	25Y5010077	0363	RHM25	Triết học Mác - Lênin	Không thay đổi	
101	NGUYỄN VŨ QUỲNH NHƯ	25Y5010099	0385	RHM25	Triết học Mác - Lênin	Không thay đổi	
102	TRẦN DẠ MINH CHÂU	25Y5010010	0010	RHM25	Khoa học cơ bản: Xác suất-Thống kê y học	Có thay đổi	Chăm sóc ý
103	VÔ THỊ XUÂN LỢI	25Y5010063	0064	RHM25	Khoa học cơ bản: Xác suất-Thống kê y học	Không thay đổi	
104	BÙI DƯƠNG BẢO NGỌC	25Y5010079	0079	RHM25	Khoa học cơ bản: Xác suất-Thống kê y học	Không thay đổi	
105	NGUYỄN QUYÊN NHI	25Y5010093	0093	RHM25	Khoa học cơ bản: Xác suất-Thống kê y học	Không thay đổi	

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SỐ SV	SBD	MÃ LỚP	TÊN HỌC PHẦN PHÚC TRA	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
106	NGUYỄN VŨ QUYNH NHƯ	25Y5010099	0099	RHM25	Khoa học cơ bản: Xác suất-Thống kê y học	Không thay đổi	
107	HOÀNG LÊ QUÂN	25Y5010112	0112	RHM25	Khoa học cơ bản: Xác suất-Thống kê y học	Không thay đổi	
108	TRỊNH HOÀNG QUÂN	22Y3050116	0092	XNYH23	Di truyền y học	Không thay đổi	
109	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	23Y3050016	0007	XNYH23	Di truyền y học	Không thay đổi	
110	TRẦN THỊ HẰNG	23Y3050038	0032	XNYH23	Di truyền y học	Không thay đổi	
111	PHAN VŨ NHƯ QUỲNH	23Y3050127	0095	XNYH23	Huyết học đông máu	Không thay đổi	
112	TRỊNH HOÀNG QUÂN	22Y3050116	0091	XNYH23	Ký sinh trùng 2	Không thay đổi	
113	ĐẶNG VĂN VŨ	23Y3050173	0128	XNYH23	Ký sinh trùng 2	Không thay đổi	
114	NGUYỄN THỊ TUYẾT TRẦN	24Y3050189	0151	XNYH24	Xét nghiệm cơ bản	Không thay đổi	
115	NGUYỄN THỊ TUYẾT TRẦN	24Y3050189	0305	XNYH24	Điều dưỡng cơ bản	Không thay đổi	
116	NGUYỄN THỊ THUY TRANG	24Y3050197	0313	XNYH24	Điều dưỡng cơ bản	Không thay đổi	
117	NGUYỄN LÊ THANH NHÃ	24Y3050119	1156	XNYH24	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Không thay đổi	
118	H GÊ SIA NIÊ	24Y3050140	1174	XNYH24	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Không thay đổi	
119	LÊ KHÁNH MAI TRANG	24y3050190	1212	XNYH24	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Không thay đổi	
120	NGUYỄN MINH CHÂU	25Y6010015	0032	XNYH25	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Không thay đổi	
121	NGUYỄN TUÔNG OANH	25Y6010110	0109	XNYH25	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Không thay đổi	
122	HÀ NGUYỄN QUỲNH TRANG	25Y6010159	0153	XNYH25	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Không thay đổi	
123	NGUYỄN TUÔNG OANH	25Y6010110	0091	XNYH25	Sinh học tế bào và di truyền	Không thay đổi	
124	NGUYỄN THỊ HOÀI NHƯ	25Y6010107	0088	XNYH25	Giải phẫu	Không thay đổi	
125	NGUYỄN TUÔNG OANH	25Y6010110	0091	XNYH25	Giải phẫu	Không thay đổi	
126	NGUYỄN VĂN QUỐC TUÂN	25Y6010170	0145	XNYH25	Giải phẫu	Không thay đổi	
127	NGUYỄN ĐO GIA AN	26Y6010001	0028	XNYH25	Triết học Mác - Lênin	Không thay đổi	
128	NGUYỄN TUÔNG OANH	25Y6010110	0091	XNYH25	Tâm lý y học – Đạo đức y học	Không thay đổi	
129	BUI NGUYỄN ANH THƯ	25Y6010142	0120	XNYH25	Tâm lý y học – Đạo đức y học	Không thay đổi	
130	TRẦN QUANG HAI	21Y3010093	0083	Y21	Tâm thần, Thần kinh	Không thay đổi	
131	PHẠM THỊ ÁNH NGUYỆT	21Y3010261	0258	Y21	Tâm thần, Thần kinh	Không thay đổi	
132	NGÔ THỊ DUYỄN	21Y3010083	0062	Y21	Huyết học và Ung bướu	Không thay đổi	
133	TRẦN QUANG HAI	21Y3010093	0083	Y21	Huyết học và Ung bướu	Không thay đổi	
134	PHẠM THỊ ÁNH NGUYỆT	21Y3010261	0258	Y21	Y học gia đình, Chân đoán hình ảnh (YHGD, Kỹ năng tham vấn và tính chuyên nghiệp)	Không thay đổi	
135	TRẦN QUANG HAI	21Y3010093	0047	Y21	Da liễu	Không thay đổi	
136	LÊ ĐÌNH NHẬT	22Y3010243	0132	Y22	Nội khoa 4 (bệnh lý)	Không thay đổi	
137	NGUYỄN THỊ THUY LINH	22Y3010185	0199	Y22	Y học cộng đồng 2: Y học thảm họa - Y pháp	Không thay đổi	
138	NGUYỄN THỊ THUY LINH	22Y3010185	0199	Y22	Y học cộng đồng 2: Y học thảm họa - Y pháp	Không thay đổi	
139	NGUYỄN VĂN CÀNH	23Y3010031	0038	Y23	Thực hành Y khoa 4: Phẫu thuật thực hành	Không thay đổi	
140	HOÀNG ĐÌNH LÊ QUYỀN	23y3010261	0309	Y23	Thực hành Y khoa 4: Phẫu thuật thực hành	Không thay đổi	
141	NGÔ ĐỨC TUÂN TỬ	23Y3010357	0419	Y23	Thực hành Y khoa 4: Phẫu thuật thực hành	Không thay đổi	
142	TRẦN VIỆT HOÀNG HÙNG	23Y3010413	0134	Y23	Thực hành Y khoa 4: Phẫu thuật thực hành	Không thay đổi	

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SỐ SV	SBD	MÃ LỚP	TÊN HỌC PHẦN PHÚC TRA	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
143	NGUYỄN THỊ KIM DUNG	23Y3010066	0054	Y23	Hệ Thân, Tiết niệu	Không thay đổi	
144	NGUYỄN THANH NGỌC	23Y3010197	0233	Y23	Hệ Thân, Tiết niệu	Không thay đổi	
145	NGUYỄN THANH HẠO	23Y3010097	0110	Y23	Hệ Tiêu hóa	Không thay đổi	
146	TRẦN VIỆT HOÀNG HÙNG	23Y3010413	0134	Y23	Hệ Tiêu hóa	Không thay đổi	
147	TRẦN TUẤN ANH	24Y3010022	0027	Y24	Hệ Cơ xương khớp	Không thay đổi	
148	VÕ THỊ HANH NGUYỄN	24Y3010230	0274	Y24	Hệ Cơ xương khớp	Không thay đổi	
149	TÔN THẮT MINH NHẬT	24Y3010240	0285	Y24	Hệ Cơ xương khớp	Không thay đổi	
150	TRẦN NGỌC BẢNG TÂM	24Y3010303	0361	Y24	Hệ Cơ xương khớp	Không thay đổi	
151	LÊ NGUYỄN THẢO	24Y3010313	0372	Y24	Hệ Cơ xương khớp	Không thay đổi	
152	NGUYỄN THỊ THANH THƯƠNG	24Y3010329	0391	Y24	Hệ Cơ xương khớp	Không thay đổi	
153	PHẠM NGỌC THIÊN THUY	24Y3010331	0393	Y24	Hệ Cơ xương khớp	Không thay đổi	
154	TÔN THẮT MINH NHẬT	24Y3010240	0283	Y24	Đề kháng và đáp ứng miễn dịch 2 (MD, DL, HH)	Không thay đổi	
155	TRẦN ĐỨC PHÚ	24Y3010258	0309	Y24	Đề kháng và đáp ứng miễn dịch 2 (MD, DL, HH)	Không thay đổi	
156	NGUYỄN VĂN QUỐC	24Y3010286	0340	Y24	Đề kháng và đáp ứng miễn dịch 2 (MD, DL, HH)	Không thay đổi	
157	TỔNG QUỐC AN	24Y3010387	0004	Y24	Đề kháng và đáp ứng miễn dịch 2 (MD, DL, HH)	Không thay đổi	
158	TRẦN ĐÌNH NGUYỄN	24Y3010227	0270	Y24	Phát triển nhân văn và Ngoại ngữ chuyên ngành (Tiếng Anh chuyên ngành 2)	Không thay đổi	
159	NGUYỄN HỒ THẢO NHI	24Y3010242	0287	Y24	Phát triển nhân văn và Ngoại ngữ chuyên ngành (Tiếng Anh chuyên ngành 2)	Không thay đổi	
160	TRẦN ĐỨC PHÚ	24Y3010258	0310	Y24	Phát triển nhân văn và Ngoại ngữ chuyên ngành (Tiếng Anh chuyên ngành 2)	Không thay đổi	
161	NGUYỄN VĂN QUỐC	24Y3010286	0340	Y24	Phát triển nhân văn và Ngoại ngữ chuyên ngành (Tiếng Anh chuyên ngành 2)	Không thay đổi	
162	HÀ THỊ NHƯ QUỲNH	24Y3010288	0342	Y24	Phát triển nhân văn và Ngoại ngữ chuyên ngành (Tiếng Anh chuyên ngành 2)	Không thay đổi	
163	PHẠM THỊ LAN THI	24Y3010316	0375	Y24	Phát triển nhân văn và Ngoại ngữ chuyên ngành (Tiếng Anh chuyên ngành 2)	Không thay đổi	
164	LÊ THỊ MINH THƠ	24Y3010321	0381	Y24	Phát triển nhân văn và Ngoại ngữ chuyên ngành (Tiếng Anh chuyên ngành 2)	Không thay đổi	
165	HUỶNH THỊ YẾN THƯƠNG	24Y3010327	0388	Y24	Phát triển nhân văn và Ngoại ngữ chuyên ngành (Tiếng Anh chuyên ngành 2)	Không thay đổi	
166	NGUYỄN THỊ THANH THƯƠNG	24Y3010329	0390	Y24	Phát triển nhân văn và Ngoại ngữ chuyên ngành (Tiếng Anh chuyên ngành 2)	Không thay đổi	
167	NGÔ PHÚC AN	24Y3010002	0002	Y24	Đề kháng và đáp ứng miễn dịch 1 (KST, VS, GPB)	Không thay đổi	
168	TÔN THẮT MINH NHẬT	24Y3010240	0284	Y24	Đề kháng và đáp ứng miễn dịch 1 (KST, VS, GPB)	Không thay đổi	
169	HỒ NGỌC THẢO NGUYỄN	24Y3010214	0255	Y24	Đề kháng và đáp ứng miễn dịch 1 (KST, VS, GPB)	Không thay đổi	
170	TRẦN ĐỨC PHÚ	24Y3010258	0310	Y24	Đề kháng và đáp ứng miễn dịch 1 (KST, VS, GPB)	Không thay đổi	
171	NGUYỄN THỊ HỒNG PHƯỢNG	24Y3010273	0322	Y24	Đề kháng và đáp ứng miễn dịch 1 (KST, VS, GPB)	Không thay đổi	
172	NGUYỄN VĂN QUỐC	24Y3010286	0340	Y24	Đề kháng và đáp ứng miễn dịch 1 (KST, VS, GPB)	Không thay đổi	
173	LÊ NGUYỄN THẢO	24Y3010313	0371	Y24	Đề kháng và đáp ứng miễn dịch 1 (KST, VS, GPB)	Không thay đổi	

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SỐ SV	SBD	MÃ LỚP	TÊN HỌC PHẦN PHÚC TRA	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
174	NGUYỄN ĐĂNG ĐỨC HUY	24Y3010444	0161	Y24	Đề kháng và đáp ứng miễn dịch 1 (KST, VS, GPB)	Không thay đổi	
175	TÔN THẤT MINH NHẬT	24Y3010240	0282	Y24	Hệ Tim mạch	Không thay đổi	
176	TRẦN ĐỨC PHŨ	24Y3010258	0308	Y24	Hệ Tim mạch	Không thay đổi	
177	NGÔ ĐẮC DUY THÁI	24Y3010307	0362	Y24	Hệ Tim mạch	Không thay đổi	
178	NGUYỄN THỊ THANH THƯƠNG	24Y3010329	0388	Y24	Hệ Tim mạch	Không thay đổi	
179	HỒ ĐỨC ANH	25Y1010012	0973	Y25	Triết học Mác - Lênin	Không thay đổi	
180	LÊ HỒ NGỌC BĂNG	25Y1010048	1009	Y25	Triết học Mác - Lênin	Không thay đổi	
181	HUYỀN THANH THANH BÌNH	25Y1010059	1020	Y25	Triết học Mác - Lênin	Không thay đổi	
182	NGUYỄN LÊ DUY	25Y1010114	1058	Y25	Triết học Mác - Lênin	Không thay đổi	
183	NGUYỄN VĂN ANH KHOA	25Y1010205	1167	Y25	Triết học Mác - Lênin	Không thay đổi	
184	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG LINH	25Y1010225	1187	Y25	Triết học Mác - Lênin	Không thay đổi	
185	HỒ ĐỨC ANH	25Y1010012	0011	Y25	Khoa học cơ bản: Lý sinh, Chẩn đoán hình ảnh	Không thay đổi	
186	LÊ THỊ TÚ ANH	25Y1010018	0017	Y25	Khoa học cơ bản: Lý sinh, Chẩn đoán hình ảnh	Không thay đổi	
187	ĐOÀN XUÂN BÁCH	25Y1010041	0041	Y25	Khoa học cơ bản: Lý sinh, Chẩn đoán hình ảnh	Không thay đổi	
188	NGUYỄN VĂN ĐẠT	25Y1010084	0107	Y25	Khoa học cơ bản: Lý sinh, Chẩn đoán hình ảnh	Không thay đổi	
189	TRẦN KIM ĐẠT	25Y1010087	0110	Y25	Khoa học cơ bản: Lý sinh, Chẩn đoán hình ảnh	Không thay đổi	
190	LÊ MINH ĐỨC	25Y1010093	0114	Y25	Khoa học cơ bản: Lý sinh, Chẩn đoán hình ảnh	Không thay đổi	
191	ĐỖ QUỐC DƯƠNG	25Y1010107	0089	Y25	Khoa học cơ bản: Lý sinh, Chẩn đoán hình ảnh	Không thay đổi	
192	THÁI DOẢN HOÀN	25Y1010156	0156	Y25	Khoa học cơ bản: Lý sinh, Chẩn đoán hình ảnh	Không thay đổi	
193	TRẦN HỮU DUY HOÀNG	25Y1010162	0162	Y25	Khoa học cơ bản: Lý sinh, Chẩn đoán hình ảnh	Không thay đổi	
194	LÊ THANH KHÁNH HÙNG	25Y1010172	0168	Y25	Khoa học cơ bản: Lý sinh, Chẩn đoán hình ảnh	Không thay đổi	
195	CAI VĂN GIA KIẾT	25Y1010214	0214	Y25	Khoa học cơ bản: Lý sinh, Chẩn đoán hình ảnh	Không thay đổi	
196	NGUYỄN HOÀNG LƯU LY	25Y1010242	0243	Y25	Khoa học cơ bản: Lý sinh, Chẩn đoán hình ảnh	Không thay đổi	
197	NGUYỄN NHẬT MINH	25Y1010252	0254	Y25	Khoa học cơ bản: Lý sinh, Chẩn đoán hình ảnh	Không thay đổi	
198	ĐẶNG BẢO MINH NGÂN	25Y1010269	0272	Y25	Khoa học cơ bản: Lý sinh, Chẩn đoán hình ảnh	Không thay đổi	
199	HÀ VĂN NHÂN	25Y1010292	0295	Y25	Khoa học cơ bản: Lý sinh, Chẩn đoán hình ảnh	Không thay đổi	
200	ĐỖ THANH QUANG	25Y1010347	0354	Y25	Khoa học cơ bản: Lý sinh, Chẩn đoán hình ảnh	Không thay đổi	
201	NGUYỄN NỮ THANH TÂM	25Y1010362	0371	Y25	Khoa học cơ bản: Lý sinh, Chẩn đoán hình ảnh	Không thay đổi	
202	TRẦN DOẢN THẮNG	25Y1010364	0376	Y25	Khoa học cơ bản: Lý sinh, Chẩn đoán hình ảnh	Không thay đổi	
203	NGUYỄN THỊ THANH THAO	25Y1010377	0633	Y25	Khoa học cơ bản: Lý sinh, Chẩn đoán hình ảnh	Không thay đổi	
204	TRẦN VĂN CẨM TÚ	25Y1010436	0447	Y25	Khoa học cơ bản: Lý sinh, Chẩn đoán hình ảnh	Không thay đổi	
205	NGUYỄN NGỌC MINH TUỆ	25Y1010440	0451	Y25	Khoa học cơ bản: Lý sinh, Chẩn đoán hình ảnh	Không thay đổi	
206	HOÀNG THỊ TUYẾT	25Y1010443	0454	Y25	Khoa học cơ bản: Lý sinh, Chẩn đoán hình ảnh	Không thay đổi	
207	TRẦN KIM ĐẠT	25Y1010087	0110	Y25	Khoa học cơ bản: Xác suất-Thống kê y học	Không thay đổi	
208	NGUYỄN LÊ DUY	25Y1010114	0096	Y25	Khoa học cơ bản: Xác suất-Thống kê y học	Không thay đổi	
209	PHAN THỊ HƯƠNG GIANG	25Y1010121	0120	Y25	Khoa học cơ bản: Xác suất-Thống kê y học	Không thay đổi	
210	THÁI DOẢN HOÀN	25Y1010156	0156	Y25	Khoa học cơ bản: Xác suất-Thống kê y học	Không thay đổi	
211	TRẦN HỮU DUY HOÀNG	25Y1010162	0162	Y25	Khoa học cơ bản: Xác suất-Thống kê y học	Không thay đổi	

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SỐ SV	SBD	MÃ LỚP	TÊN HỌC PHẦN PHỨC TRA	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
212	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG LINH	25Y1010225	0225	Y25	Khoa học cơ bản: Xác suất-Thống kê y học	Không thay đổi	
213	TRẦN HỒNG THIÊN NAM	25Y1010267	0270	Y25	Khoa học cơ bản: Xác suất-Thống kê y học	Không thay đổi	
214	TRẦN THANH NHÂN	25Y1010294	0297	Y25	Khoa học cơ bản: Xác suất-Thống kê y học	Không thay đổi	
215	NGUYỄN DUY PHÚ	25Y1010321	0328	Y25	Khoa học cơ bản: Xác suất-Thống kê y học	Không thay đổi	
216	NGUYỄN GIA PHÚC	25Y1010323	0330	Y25	Khoa học cơ bản: Xác suất-Thống kê y học	Không thay đổi	
217	NGUYỄN THANH SƠN	25Y1010354	0362	Y25	Khoa học cơ bản: Xác suất-Thống kê y học	Không thay đổi	
218	NGUYỄN QUỐC THẮNG	25Y1010366	0374	Y25	Khoa học cơ bản: Xác suất-Thống kê y học	Không thay đổi	
219	NGUYỄN THỊ THU THỦY	25Y1010397	0407	Y25	Khoa học cơ bản: Xác suất-Thống kê y học	Không thay đổi	
220	NGUYỄN HÀ THY	25Y1010398	0408	Y25	Khoa học cơ bản: Xác suất-Thống kê y học	Không thay đổi	
221	LÊ THỊ THUỶ TRÂM	25Y1010410	0421	Y25	Khoa học cơ bản: Xác suất-Thống kê y học	Không thay đổi	
222	HOÀNG THỊ TUYẾT	25Y1010443	0454	Y25	Khoa học cơ bản: Xác suất-Thống kê y học	Không thay đổi	
223	ĐÌNH NGỌC HOÀNG	22Y3010124	0003	Y25	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Không thay đổi	
224	LƯƠNG XUÂN AN	25Y1010003	0003	Y25	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Không thay đổi	
225	THAI THỊ MINH ANH	25Y1010034	0211	Y25	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Không thay đổi	
226	LÊ MINH ĐỨC	25Y1010093	0291	Y25	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Không thay đổi	
227	THÁI DOẢN HOÀN	25Y1010156	0333	Y25	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Không thay đổi	
228	NGUYỄN TÂN KHANH	25Y1010202	0378	Y25	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Không thay đổi	
229	NGUYỄN VĂN ANH KHOA	25Y1010205	0382	Y25	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Không thay đổi	
230	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG LINH	25Y1010225	0402	Y25	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Không thay đổi	
231	LÊ QUANG MẠNH	25Y1010247	0424	Y25	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Không thay đổi	
232	TRẦN HỒNG THIÊN NAM	25Y1010267	0270	Y25	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Không thay đổi	
233	ĐỖ THANH QUANG	25Y1010347	0530	Y25	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Không thay đổi	
234	HỒ ĐỨC ANH	25Y1010012	0011	Y25	Khoa học cơ bản: Hóa học	Không thay đổi	
235	LÊ THỊ TÚ ANH	25Y1010018	0017	Y25	Khoa học cơ bản: Hóa học	Không thay đổi	
236	ĐOÀN XUÂN BẠCH	25Y1010041	0041	Y25	Khoa học cơ bản: Hóa học	Không thay đổi	
237	LÊ HỒ NGỌC BĂNG	25Y1010048	0047	Y25	Khoa học cơ bản: Hóa học	Không thay đổi	
238	NGUYỄN PHẠM XUÂN ĐÀN	25Y1010078	0103	Y25	Khoa học cơ bản: Hóa học	Không thay đổi	
239	NGUYỄN VĂN THÀNH DANH	25Y1010081	0075	Y25	Khoa học cơ bản: Hóa học	Không thay đổi	
240	TRẦN KIM ĐẠT	25Y1010087	0110	Y25	Khoa học cơ bản: Hóa học	Không thay đổi	
241	THÁI DOẢN HOÀN	25Y1010156	0156	Y25	Khoa học cơ bản: Hóa học	Không thay đổi	
242	NGUYỄN HOÀNG LƯU LY	25Y1010242	0243	Y25	Khoa học cơ bản: Hóa học	Không thay đổi	
243	NGUYỄN KHÔI NGUYỄN	25Y1010286	0289	Y25	Khoa học cơ bản: Hóa học	Không thay đổi	
244	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	25Y1010377	0386	Y25	Khoa học cơ bản: Hóa học	Không thay đổi	
245	NGÔ THỊ QUỲNH TRANG	25Y1010421	0432	Y25	Khoa học cơ bản: Hóa học	Không thay đổi	
246	HUỲNH THANH THANH BÌNH	25Y1010059	1020	Y25	Nhập môn Công nghệ số, Trí tuệ nhân tạo và Ứng dụng	Không thay đổi	
247	ĐỖ QUỐC DƯƠNG	25Y1010107	0089	Y25	Nhập môn Công nghệ số, Trí tuệ nhân tạo và Ứng dụng	Không thay đổi	
248	NGUYỄN HOÀNG LƯU LY	25Y1010242	0243	Y25	Nhập môn Công nghệ số, Trí tuệ nhân tạo và Ứng dụng	Không thay đổi	
249	NGUYỄN ĐĂNG ANH QUÂN	25Y1010343	0350	Y25	Nhập môn Công nghệ số, Trí tuệ nhân tạo và Ứng dụng	Không thay đổi	

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SỐ SV	SBD	MÃ LỚP	TÊN HỌC PHẦN PHÚC TRA	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
250	NGUYỄN NỮ THANH TÂM	25Y1010362	0371	Y25	Nhập môn Công nghệ số, Trí tuệ nhân tạo và Ứng dụng	Không thay đổi	
251	NGÔ THỊ QUYNH TRANG	25Y1010421	0432	Y25	Nhập môn Công nghệ số, Trí tuệ nhân tạo và Ứng dụng	Không thay đổi	
252	NGUYỄN THỊ TUYẾT NGÂN	21Y3080068	0054	YHCT21	Mắt	Không thay đổi	
253	TRẦN THỊ NGỌC	21Y3080072	0058	YHCT21	Nội bệnh lý 2 (YHCT)	Không thay đổi	
254	VÔ NGỌC MINH	21Y3080062	0049	YHCT21	Truyền nhiễm 1 (YHHĐ)	Không thay đổi	
255	NGÔ THỊ THẢO NHI	22Y3080080	0066	YHCT22	Lao	Không thay đổi	
256	NGÔ THỊ THẢO NHI	22Y3080080	0066	YHCT22	Phụ sản 1 (YHHĐ)	Không thay đổi	
257	HỒ VĂN NGUYỄN	23Y3080098	0084	YHCT23	Dịch tễ học	Không thay đổi	
258	TRẦN THỊ TƯỜNG VY	23Y3080164	0145	YHCT23	Dịch tễ học	Không thay đổi	
259	HUỖNH THỊ MAI PHƯƠNG	25Y1150101	0545	YHCT25	Triết học Mác - Lênin	Không thay đổi	
260	NGUYỄN THÁI HÒA	25Y1150040	0853	YHCT25	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Không thay đổi	
261	NGUYỄN MINH HUYỀN	25Y1150053	0865	YHCT25	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Không thay đổi	
262	PHẠM NGUYỄN KHÁNH NAM	25Y1150073	0881	YHCT25	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Không thay đổi	
263	LÊ NGUYỄN THAO NGUYỄN	25Y1150080	0887	YHCT25	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Không thay đổi	
264	MÃ THIÊN HÙNG	25y1150046	0042	YHCT25	Giải phẫu 1	Không thay đổi	
265	NGUYỄN MINH HUYỀN	25Y1150053	0048	YHCT25	Giải phẫu 1	Không thay đổi	
266	NGUYỄN XUÂN NHẬT	25Y1150085	0075	YHCT25	Di truyền y học	Không thay đổi	
267	ĐỖ THỊ KIỀU NHUNG	25Y1150093	0083	YHCT25	Di truyền y học	Không thay đổi	
268	LÊ ANH QUÂN	25Y1150104	0092	YHCT25	Di truyền y học	Không thay đổi	
269	TRƯƠNG ANH TUẤN	25Y1150140	0123	YHCT25	Di truyền y học	Không thay đổi	
270	NGUYỄN THỊ HOÀI PHƯƠNG	23Y3070061	0027	YHDP23	Khoa học hành vi và GDSK	Không thay đổi	
271	NGUYỄN HỒ TUẤN KIẾT	24Y3070035	0026	YHDP24	Ký sinh trùng	Không thay đổi	
272	PHẠM THANH ĐÔNG	24K301006	0006	YLT24	Hệ Cơ xương khớp	Không thay đổi	
273	PHẠM THANH ĐÔNG	24K301006	0006	YLT24	Đề kháng và đáp ứng miễn dịch 2 (MD, DL, HH)	Không thay đổi	

Ghi chú: Bài thi có thay đổi kết quả, sinh viên theo dõi cập nhật kết quả mới trên hệ thống đào tạo.

Huế, ngày 16 tháng 3 năm 2026

**PHÒNG KT-BDCLGD
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Nguyễn Văn Thanh